

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 4

Ý NGHĨA VỀ ĐÂY LƯỢT NƯỚC

Bộ Hành Sự Sao chép: đây lọc nước dù là nhỏ nhẹ, nhưng làm lợi ích rất lớn. Người xuất gia lòng từ cứu giúp, y đó ở đây. Đời này bậc Thượng phẩm Cao Hạnh còn uống nước có trùng huống chi là người chẳng ra gì, đâu đáng để nói! Cho nên trong luật vì tôn trọng mạng sống loài côn trùng, mới đây riêng hai giới nói về việc uống và dùng. Vì đây là việc hằng ngày, đa số mọi người phải dùng đến nước. Lời Ký chép: Người xuất gia tu tâm từ làm gốc. Từ là đem lại an vui cho nên lấy việc không giết hại làm trước. Loài trùng tuy nhỏ nhưng tinh thần hộ mệnh của người xuất gia thì xem nó với người không khác. Đây chính là dụng cụ hành từ, là nhân duyên cứu giúp chúng sinh. Đại hạnh từ đây mà sinh trưởng, chí đạo cũng do đây mà thành. Đồng là loài mang tình thức, nên đừng cho là nhỏ.

DẪN VIỆC THUYẾT TỊNH CỦA ĐẠI GIÁO ĐỂ BẮC BỎ VIỆC Ỗ LẠI

Bộ Tư Trì dẫn Luận Trì Địa chép: Bồ-tát trước phải đối với tất cả đồ vật chứa để vì là phi Tịnh, dùng tâm thanh tịnh thí xa cho chư Phật và Bồ-tát ở mười phương, như thầy Tỳ-kheo phải đem y vật hiện tiền xả cho Hòa thượng và A-xà-lê, v.v... Kinh Niết-bàn chép: Tuy Đức Phật cho phép Bồ-tát nhận chứa tài vật, nhưng phải làm pháp tịnh thí cho người Đàn-việt có lòng tin sâu chắc. Đời nay những vị dạy học, chuyên vì lợi danh, họ không hề biết hổ thẹn khi nhận cơm nắm tà, mãi ham hố chứa tám thứ tài sản ô uế. Chỉ chạy theo trần tục nổi chìm, nào nghĩ đến lời vàng Phật dạy. Từ lúc thọ giới ở đàn tràng về sau, dù trải qua nhiều tuổi hạ, nhưng nếu có bàn đến pháp Tịnh thí thì một điều cũng chưa thấm vào thân. Họ đâu biết của dùng hằng ngày đâu không phải là uế vật, của chứa trong rương tráp đều là của trộm. Khinh pháp dối lòng, để lại lo buồn.

Ôi! Người học luật, biết mà cố phạm, thì những người ở các tông khác, thật chẳng đáng nói. Ai chịu biết sự báo ứng sẽ do tâm mà hình thành; nào chịu tin quả là do hột giống kết nên. Hiện đời nếu để Ca-sa lia mình thì đời sau giáp sứt sẽ quán thân. Làm người thì sinh nơi chỗ nghèo hèn đói thiếu, áo quần nhơ bẩn. Làm súc sinh thì đọa vào chỗ bất tịnh, lông tóc hôi tanh. Huống chi, Đại thừa, Tiểu thừa đều gọi chung là pháp tịnh thí, nếu người có lòng Tín sâu thì nào ngại ở việc vâng làm. Cho nên lời ký trong Bộ Phụ Hành của Thiền sư Kinh Khê chép: có người nói: Tất cả các tài vật nghĩ chẳng phải vật của mình hễ việc gì có ích liền dùng thì còn thuyết tịnh làm gì?

Người đã nói thế, giờ tôi xin hỏi lại: Nếu đã nói mọi vật đều chẳng phải là của mình, thế thì tại sao không đem thí cho bốn biển; và đã bảo là có ích liền dùng, thì sao không giao thẳng cho hai thứ ruộng bi và ruộng kính, mà lại cứ cất giấu trong phòng kín, chứa để ở túi rương.

Thật là trong lòng thì nghĩ là của người, cứ lấy để tiêu dùng thì chắc chắn sẽ chuốc vạ thôi (phạm tội trộm). Còn khinh bảo là của mình, thì vẫn trái với pháp thuyết tịnh. Đã quyết định rồi, lại còn đem bố thí, thì đối với lý nào ngăn ngại gì. Mặc cho mình chấp giữ trong lòng cũng được, chỉ lo sợ kẻ hậu sinh lại bắt chước mà thôi!

Nên biết người không làm pháp thuyết tịnh, là rất trái ý với Phật. Những người đó sẽ không thuộc hai thừa, ba căn chẳng thu. Than ôi! Người xuất gia mà như thế, đâu chẳng phải luống uổng.

TÁM THỨ TÀI SẢN BẤT TỊNH, NUÔI LỚN LÒNG THAM, TÔN HOẠI ĐẠO NGHIỆP.

Bộ sư sao chép: Tám thứ tài sản bất tịnh là:

1. Nhà cửa ruộng vườn.
2. Ươm trồng hột giống.
3. Chứa góp thóc lúa.
4. Nuôi dưỡng tôi tớ.
5. Giam nhốt cầm thú.
6. Tiền bạc, vật báu.
7. Chân nệm đỉnh vạc.
8. Gường ghế chạm cẩn ngà vàng và các vật quý giá.

Tám thứ trên đây đều gọi là tài sản Bất tịnh. Trong kinh, luật, luận đều kể số chung và dạy rõ tám thứ tài sản này là nguyên nhân gây nên tội không được dùng. Lại nữa, trong các kinh luật đều nói, nếu người

xuất gia cất chứa, thì kẻ ấy chẳng phải là đệ tử ta. Luật Ngũ Phần cũng chép: người cất chứa, chắc chắn là kẻ không tin pháp luật của ta. Bởi tám thứ này đều nuôi lớn lòng tham, tổn hoại đạo nghiệp. Vì nó làm như nhức phạm hạnh, mắc quả báo xấu, nên gọi là tài sản Bất tịnh, cho đến nói rằng: Trong luật là dạy về sự tương, vì người tiểu cơ ý hẹp, nên phải nói nhiều về việc cất chứa. Lại trong kinh Niết-bàn chép: Nếu các đệ tử không có người chu cấp vật tiêu dùng, lại gặp lúc mất mùa đói kém, tìm thức uống ăn khó được, vì muốn giữ gìn Tăng bảo, gây dựng chánh pháp, ta cho phép các đệ tử nhận chứa vàng bạc, xe cộ, ruộng nhà, thóc gạo trao đổi để tiêu dùng. Tuy là cho phép nhận chứa các vật như thế, nhưng phải làm pháp tịnh thí cho người đàn-việt có lòng tin sâu chắc. Lời ký chép: Văn trên là nói người Đại thừa về Cơ và Giáo đều gấp, còn văn dưới là nói hàng Tiểu thừa về Cơ và Giáo đều hoãn. Luật dạy về việc hành sự nếu trái với lý thì phạm tội, đương nhiên hàng tiểu cơ ý hẹp không làm nổi nên phương tiện khai ra, có khác với bậc thượng căn. Còn Đại thừa có thể gánh vác nổi. Cho nên dạy là trọng. Thế mà, người đời lại bảo rằng, Tiểu thừa thì phải giữ giới, còn Đại giáo thì thông phương, lời đó rất là sai lầm!

KHUYÊN NGƯỜI MỞ RỘNG LÒNG TÙY THUẬN LỢI GIÚP SÁU ĐƯỜNG

Thiên Tăng Cương chép: Người xuất gia chân thật phải biết nghĩ sợ bốn oán là nhiều khổ, nhàm chán ba cõi là vô thường, già từ sáu thân thương mến, xả bỏ năm dục đắm ưa. Vì thế tục là luống dối nên phải bỏ, đạo lý là chân thật phải về nương. Cho nên phải mở rộng ý chí cho rộng lớn, từ bỏ những tâm tư thấp hèn. Không tiếc thân mạng của cải, phải thường nghĩ đến việc giữ gìn Chánh pháp. Huống chi, vật thực của chúng Tăng ở khắp cùng mười phương, người nhận thì lấy theo phần của mình, lẽ ra phải tùy hỷ. Thế mà tình người lại ganh ghét sự đầy đủ của người khác, dùng tâm không bình đẳng để đối xử. Có người lại đóng kín cửa nẻo, ngăn cản khách tăng du phương, việc làm này chẳng bị chê cười ư? Bản ý của việc đánh hiệu kiền-chùy báo giờ Ngọ trai há không đúng sao? Người xuất gia đã bỏ đi lòng tham đắm hưởng thụ, không nên hành động như thế mới phải! Nếu chỉ dùng tâm thân mỏng manh này thì không thể bền giữ chánh pháp được và mạng sống tạm này không nên lặn lội tìm tăng thực. Vì như thế sẽ trái với lời dạy của chư Phật và làm tổn hao ruộng phước của Đàn-na khiến đau xót chúng sinh một thuở làm ngăn lấp con đường của mười phương tăng. Để lại hành động sai lầm

làm bại hoại ý chí cao xa của người lớp sau. Hãy thay đổi quan niệm mê mờ từ trước, hầu trở lại đạo lý công bằng sáng tỏ muôn đời, được như thế chẳng phải là tốt sao? (tham ăn một mình là cái hạnh nghiệp của nga quý, gói đó là mê lầm lớn).

- Có người hỏi: Vật thực của chúng Tăng thì có giới hạn, còn khách vân thủy từ ngoài đến thì vô cùng. Nếu lấy vật thực có hạn để cung cấp chư Tăng không cùng thì e rằng việc này chắc chắn sẽ không đủ.

- Đáp rằng: Đó là sự tính toán nông cạn của kẻ tục hẹp hòi; là tâm niệm nhỏ mọn của người keo xén. Làm sao nói được với bậc Thánh trí có kiến thức sâu xa và nào lọt vào tai những bậc Đại sĩ có cái nhìn cao tốt. Nói về việc cúng dường cho bốn chúng là ruộng phước của Tam bảo cũng ví như sự sinh ra và lớn lên của trời Đất, sự thọ dụng của núi biển, nào có cùng hết được đâu! Cho nên Kinh Phật Tạng chép: Phải một lòng hành đạo, thuận theo pháp mà làm, chứ đừng nghĩ đến áo cơm là cái tạm dùng qua buổi. Chỉ cần một tướng ánh sáng lông trắng của Như Lai, chu cấp cho tất cả đệ tử xuất gia cũng không thể nào hết được. Do đây mà nói, các thầy hãy siêng tu giới hạnh, chí thành hộ pháp, từ đạo mà được lợi, nhờ đạo mà dùng chung, cho đến nói. Người thế tục còn cho rằng: chỉ lo Đạo đức chứ không lo nghèo. Huống chi người xuất gia tâm hồn đã vượt ngoài cõi tục, chẳng lo giữ gìn Chánh pháp mà cứ mãi lo việc ăn uống, thật là rất sai lầm.

Giải thích đốt thân, đốt ngón tay, Đại thừa và Tiểu thừa có chủ trương khác nhau.

Bộ Tư Trì Ký chép: Trong Nghĩa Tịnh Tam Tạng Ký Quy Truyện có bác bỏ việc người đời đốt thân, đốt ngón tay, ý cho rằng hạnh của Bồ-tát Đại sĩ thì tỳ-kheo xuất gia không làm được. Xưa nay các chương ký truyền nhau răn nhắc, người giảng ít học dùng làm lời đầu môi, đó là do không biết căn cơ có sâu cạn, giáo chia ra Hóa và Chế, luật nói rõ tự giết, phương tiện thân-lan, đốt ngón tay, tấn hương, trái với luật chế, phạm tội cát-la. Kinh Phạm Võng chép: Nếu không đốt thân, đốt cánh tay, ngón tay thì chẳng phải là Bồ-tát xuất gia, phạm tội khinh cấu. Đó là do Tiểu thừa gấp về tự hành, mong hết báo thân này được siêu sinh. Còn Đại sĩ thì chuyên lợi tha, trải qua nhiều kiếp cứu giúp chúng sinh, cho nên tiểu luật kết tội lớn, Đại giáo khen ngợi công đức ấy rất sâu, huống chi hai giáo Đại Tiểu đều là lời Phật, một đề một nâng, đâu cho phép trái khác. Vả lại, kinh nói Bồ-tát xuất gia chứ không cho phép Tỳ-kheo (Tiểu thừa cho rằng xả thân chẳng phải là việc làm của Sa-môn).

Việc khổ hạnh di thân đâu phải chỉ có thế tục. Ngài Kinh Khê cho rằng theo Tiểu thừa không đốt thì dễ, theo Đại thừa đốt thì khó; Bảo vệ thân mạng, tham sống, chúng sinh đều như thế, nay y cứ vào nghĩa chia ra ba trường hợp: 1. Nếu vốn là người tại gia thì không ở trong hạn này, hoặc hoàn toàn không thọ giới, y theo kinh này cúng dường ngón chân, ngón tay thì còn hơn bố thí quốc thành. Nếu theo kinh Phạm Võng, thì thọ Đại giới thuận theo thể mà vâng giữ, đốt thì càng tốt. 2. Nếu chỉ thọ Tiểu giới hạn cuộc ở Tỳ-kheo, không đốt thì thuận bốn thành trì, đốt thì y theo thiên mà kết phạm. 3. Nếu thọ cả đại giới gọi là Bồ-tát xuất gia, đốt thì thành trì, không đốt thì thành phạm. Nếu trước Tiểu sau Đại, hoặc trước Đại sau Tiểu, đồng thời từ Đại mà xếp vào không phạm luật nghi. Nếu ở đây dùng minh thô để phân ra tiến hay không thì đâu được cho đồng là một thứ mà bác bỏ là sai. Nhưng người có chí mạnh mẽ, tâm còn cuồng loạn, thích lợi dưỡng của người, tiếng tăm của thế gian, phá hoại pháp môn, đó là tên giặc nguy hiểm trong Phật giáo. Tự làm tàn phế thân thể, thật là người trái nghịch với Nho Tông, đó là nhân ác, không bao giờ có quả báo lành. Hiện thời rất thanh hành các tập tục thế gian, đâu biết lời răn của ngài Nghĩa Tịnh, cũng có người chấp.

LUẬT DẠY VIỆC HỌC NGOẠI ĐIỂN VÌ CÓ PHƯƠNG HẠI ĐẾN CHÁNH NGHIỆP (TU HỌC PHẬT)

Lời văn trong sự sao ghi: Luật Ngũ Phần chép rằng: vì trông coi việc sai tăng sử và việc pháp thực, nhóm họp, v.v... và cho người xuất gia được nghiên cứu ngoại điển, nhưng không được vì ham thích mà phế bỏ chánh nghiệp. Luật dạy không cho xem bói tướng và (tìm) hỏi việc tốt xấu ở người. Luật Tứ phần có khai cho người xuất gia được học tụng văn sách và nghiên cứu các luận thuyết thế gian, vì để hàng phục ngoại đạo. Trong (tạp pháp) các môn học thế gian, (thì) đối với (vị) Tỳ-kheo mới học cũng có khai cho được học toán pháp (pháp làm únh). Luật Thập tụng ghi: người ưa làm văn thơ kệ tụng trau dồi chương cú. Đó là việc sợ hãi, không được làm. Trong Luận Tỳ-ni Mẫu, Đức Phật dạy: Nay các Tỳ-kheo! Ta dạy các ông một câu kinh, một bài kệ, cho đến đời sau này, những việc nên làm thì làm, còn những việc không nên làm thì đừng làm. Và các Tỳ-kheo ở đời sau ta cũng nói như thế. Lời Ký chép: vì sách truyện toán pháp, văn chương kệ tụng, bói thuật đều là các môn học của thế tục, chẳng phải chánh nghiệp của người xuất gia, vì nhân duyên (hàng chục kẻ ngoại đạo) nên mới cho học tập các môn học ấy.

Hàng Thích tử đời nay, danh và thật đều mất. Hễ người (nào) viết chữ đẹp thì xưng là Thảo - Thánh, người nào thông suốt sách vở thế tục thì xưng là (thầy) văn chương; người biết chọn đất tốt, xem địa lý giỏi thì gọi là (sư) Sơn thủy; người biết nghề bói toán thì gọi là Tam mạng.

Tại sao tâm đã bỏ nhà, theo Phật mà còn thuận theo danh của thế tục, vốn phải nhằm chán thế gian để cầu giải thoát, lại học tập theo nghiệp sinh tử làm chi? Cho nên Luận Trí Độ chép: người học tập ngoại điển cũng như kẻ lấy dao cắt bùn, không thành vật gì, mà dao tự tổn hại: lại cũng như người nhìn tia sáng Mặt trời, chỉ khiến cho người ấy (bị) chóa mắt. Các bậc cao tăng (thuở) xưa, có nhiều vị cũng nghiên cứu các môn ngoại dị học, có vị hành về lối thảo, lối lệ, có vị giỏi về văn chương, thơ phú; có vị nổi tiếng về phương pháp trị bệnh (y thuật), có vị giỏi việc âm dương đoán mạng, các vị này đều đã tinh thông nội điển, rộng ra đến các tông khác nhưng đều không để (tâm) chí hướng việc giữ gìn (chánh pháp) và giúp việc giáo hóa, truyền bá chánh pháp của Phật. Cho nên trong Thiên Giới chép: Nếu vì luận bàn để phá tà kiến thì cho hai phần học nội điển, một phần học sách ngoại mà không phạm. Luật Tứ Phần cho được học tập ngoại điển cũng là ý ấy. Đời nay có người cầu lợi mua danh, cậy thế khoe tài. Thân thì khoác Ca-sa mà tâm chí lại (đắm) nhiễm thói tục, để cho một đời luống qua, thật đáng thương thay.

GIẢI HẠNH KHÔNG THẬT LẠI XEM THƯỜNG GIỚI LUẬT

Bộ Tư Trì chép: Trong Luật Thập tụng, Phật dạy các (Thầy) Tỳ-kheo năm hạ trở xuống, phải chuyên học kỹ giới Luật. Nếu hiểu suốt phép trì phạm, làm xong phạm sư (của) Tỳ-kheo thì mới nên học tập kinh luận. Đời này học vượt bậc. Việc làm đã mất thứ lớp thì không do đâu mà vào được đạo. Cho nên bậc Đại Thánh quả trách các Tỳ-kheo đó, nhất quyết chẳng phải là đồ chúng của ta. Lại nữa, luật trên lại chép: Phật thấy các Tỳ-kheo không chịu học tập Tỳ-ni nên Ngài khen ngợi Tỳ-ni. Đồng thời ở trước mặt mọi người, Phật khen Tôn giả Ưu-ba-ly là người trì giới bậc nhất, nên sau đó các Thượng tọa, Trưởng Lão, Tỳ-kheo theo Tôn giả Ưu-ba-ly để học Luật. Thời nay vừa mới thấm nhuần giới phẩm liền nghe kinh và tham thiền, nào hạnh oai nghi làm ông tăng, đều không biết gì đến giới luật. Huống chi lại xem thường giới pháp, hủy báng Tỳ-ni, chê người học luật là Tiểu thừa, khinh người giữ giới là chấp tướng. Do đó mà đắm mê theo trần tục, buông thả thói hung hăng, ham muốn rượu thịt mà tự cho mình là không chấp tướng,

làm việc dâm dục, giận dữ lại tự cho mình là thấy đạo lý. Thật chưa xét cùng được ý chỉ của Phật Tổ nên hiểu lầm nghĩa chân thừa, nếu giới luật là đáng xem thường, thì lên đàn thọ giới mà chi! Luật là đáng chê thì theo người cạo tóc, mặc áo làm gì! Như thế thì khinh giới chính là khinh mình chê luật lại thành chê mình.

Than ôi! Thói đời dễ tập, đạo chánh khó nghe; vượt hơn đời trong muôn người không được một. Vậy phải hiểu rõ lời Phật dạy, đâu dám không thuận theo.

KHỞ TÂM QUY KÍNH TAM BẢO

Trung Nghi Quy Kính chép: Cho nên tình đời huân tập đã lâu ngày, mà muốn nắm được chỗ tổ ngộ thì không có lối. Cho nên đứng về sự tướng thì phải lập ra kính bày, mở ra pháp tín làm đầu và thuận theo tâm chúng sinh, y cứ vào tướng để chỉ rõ công thành hóa. Vậy sao người có lòng hy sinh cho Phật pháp đông nhiều mà không yêu tiếc thân mạng. Biết được đấng Cực Tôn trong vũ trụ nên càng kính hơn cha mẹ. Hiểu rõ giáo nghĩa là rộng lớn thì đạo lý mới vượt khỏi lối thường, cho đến nói: Luận Tiểu Thừa chép: Kính là sao? Nghĩa là lấy sự hổ thẹn làm bản thể. Vì đức hạnh của ta cạn mỏng mà cảnh hiện tiền lại cao quý, cho nên phát khởi hành động cung kính. Người đời nay lại không biết hổ thẹn thật rất đáng chê cười. Luận Đại Thừa chép: Do chánh tín và trí tuệ nên cung kính ngôi Tam bảo. Vì tín nên khởi lòng cung kính cho nên Khế kinh dạy, dịu dặt lòng thành, lấy trí tín và hổ thẹn làm cội gốc của sự quy kính. Lại dẫn luận chép: Quy y là gì? Nghĩa là lời phát nguyện xoay tâm mình trở về đường chánh. Vì xưa trái chánh theo tà, trôi dạt trong sáu đường, nay gặp Phật ra đời giảng nói chân lý cực tôn, xoay tâm tà vạy chuyển theo chánh đạo. Do đó mới lập ra pháp quy y, có chia thành năm bậc khác nhau. Trước từ chỗ lìa thế tục, sau đạt đến địa vị nhập đạo, tất cả đều phải nương tựa ngôi Tam bảo, lấy làm dấu vết đầu tiên. Vì bậc Thiên Nhân Sư là địa vị cực tôn, còn việc quy y là hành động cực đại. Cho nên Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Người không có tâm cung kính Phật, thì sẽ đọa làm rồng, rắn vì từ quá khứ cho đến nay vẫn không sinh tâm cung kính nên bị nhiều ngu si, tăm tối, v.v... trên đây là những bằng chứng tốt nhất. Kinh Đại Bi chép: Thuở quá khứ, khi Phật còn hành Đạo Bồ-tát, hề khi Ngài nhìn thấy ngôi Tam bảo, chầu tháp, xá-lợi, tượng, sư tăng, cha mẹ, người tuổi cao, bạn lành tri thức, hàng ngoại đạo, các vị trời, Sa-môn, Bà-la-môn, Ngài đều cúi đầu thấp mình xuống đánh lễ. Do quả báo tốt đẹp này nên từ khi thành Phật đến

nay khắp cả núi rừng, người thú không một ai không nghiêng mình kính lễ Đức Phật. Lại trong sách lễ tục chép: “Đâu không cung kính đáng đáp trang nghiêm như thờ cha mẹ.” Sao lại định lời như thế? Vì không nên nuôi lớn tâm ngông nghênh, không được buông lung tham dục, không thể đầy dẫy tính khí hung hăng.

LỢI ÍCH CẦU QUY Y TAM BẢO

Trong Quy Kính Nghi chép: cho nên đàn hậu tiến sơ tâm phải nương tựa vào Sư Trưởng và bạn lành, nay phải về nương Tam bảo, thường thích gần gũi. Cho nên Luận Đại Trí Độ chép: Nếu hàng Bồ-tát chưa được vào pháp vị, còn xa lìa chư Phật, e sẽ bị hư hoại các gốc lành, đắm chìm trong phiền não. Không thể độ được mình thì đâu thể độ người. Vì thế không được lìa chư Phật, ví như con thơ không thể xa cha mẹ, như người đi đường không thể thiếu lương thực, như gặp trời nóng không thể thiếu gió mát, như lúc trời rét không thể thiếu lò sưởi, như qua sông không thể lìa thuyền, như bệnh nặng không thể lìa thuốc. Do đó, Bồ-tát thường không lìa chư Phật. Vì sao? Vì cha mẹ, bạn thân, người, trời, vua chúa, v.v... các người ấy không thể đem lại lợi ích cho ta, vượt khỏi biển khổ, chỉ có chư Phật, Thế Tôn mới có khả năng giúp ta ra khỏi biển khổ sinh tử. Vì thế thường nghĩ không nên lìa xa chư Phật. Lại như Kinh Thiện Sinh chép: Như có người ba lần nói tự nguyện quy y Tam bảo sẽ được quả báo không thể cùng tột, ví như Tạng báu trong bốn đại bộ châu, nhân dân khắp cả nước tiêu dùng trong bảy năm, vận chuyển ra cũng không thể hết được, phước báo của người thọ Tam quy hơn cả số trên kia gấp nhiều lần không thể kể xiết. Lại như Kinh Giáo Lượng Công Đức chép: Như trong bốn Đại Bộ châu, đầy dẫy những người chứng quả Nhị thừa, hoặc có người trọn đời cúng dường hầu hạ, xây dựng tháp miếu, v.v... nhưng công đức không bằng kẻ nam, người nữ nào tự nói lời rằng: “Con tên... xin nguyện quy y Phật, Pháp, Tăng”, công đức của người ấy không thể nghĩ bàn. Vì trong các phước báo chỉ có ngôi Tam bảo là trên hết.

TRÌNH BÀY DANH TƯỚNG TAM BẢO.

Quy Kính Nghi chép: Tam bảo là đáng kính. Thế nên phải hiểu rõ tướng trạng của Tam bảo. Trong bộ Hành Hộ chép: Đem thân mạng về nương với pháp thân thường trụ. Nghĩa là nói Đức Như Lai đã đầy đủ mười lực, bốn vô úy, năm nhãn, sáu thông, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, ba niệm xứ v.v... Tất cả chủng trí. Đấng Điều Ngự

Vô Thượng, công đức và trí tuệ, nhiệm mầu thanh tịnh rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, an ủi thế gian, che trùm khắp cả không gian, không hề vướng mắc, không có phân biệt, không thể dùng trí tuệ mà biết được, không thể dùng tâm thức mà phân biệt được. Phật lại năng hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thường duỗi cánh tay phải để vỗ về điều dắt chúng sinh. Ngài phát ra ánh sáng rực rỡ để đẩy lùi bóng tối vô minh. Trăm phước trang nghiêm, muôn đức tròn đầy, rưới nước cam lồ, xoay bánh xe chánh pháp, cứu vớt chúng sinh ra khỏi biển sinh tử. Cho nên Phật được gọi là bậc Pháp Vương vô thượng, tôn quý trong hàng Thánh.

* Mười hai bộ kinh: - *Tiếng Phạm:*

- 1- Tu-đa-la
- 2- Tỳ-dạ.
- 3- Hòa-già-na
- 4- Già-đà
- 5- Ưu-đà-na
- 6- Ni-đà-na
- 7- A-bà-đà-na
- 8- Y ĐẾ-mục-đa-già
- 9- Xà-đà-già
- 10- Tỳ-phật-lược
- 11- A-phù-đạt-ma
- 12- Ưu-ba-đề-xá.

- *Đời Đường dịch:*

- 1- Khế Kinh
- 2- Trùng Tụng
- 3- Thọ Ký
- 4- Cô Khởi
- 5- Vô Vấn
- 6- Nhân Duyên
- 7- Thí Dụ,
- 8- Bốn Sự
- 9- Bốn Sinh
- 10- Phương Quảng
- 11- Vị Tăng Hữu
- 12- Luận Nghị.

Từ phần tựa, Chánh tông, Lưu thông đều tốt đẹp. Ý nghĩa thành tịnh, tự nhiên đầy đủ, mở bày phạm hạnh, tối thượng bậc nhất, vượt qua

bờ kia, sâu xa thật tướng, đại tuệ bình đẳng, tự tánh thanh tịnh, ngôn ngữ bất dứt, tâm hành đều diệt, chánh pháp này cảnh giới vô ngại, vì chúng sinh mà giảng nói, nhưng vẫn không trái với nghĩa thật tướng. Do đó gọi là phương thuốc nhiệm mầu vô thượng xuất thế, phá diệt hết phiền não từ vô thủy của chúng sinh.

Ba thừa tịnh tăng là những người thực hành Pháp Ba tuệ (Văn - Tư - Tu) bày đạo Bồ-tát, mặc giáp hoàng thệ, giục ngựa tinh tiến, cầm cung nhãn nhục, phóng tên trí tuệ, giết giặc phiền não. Với trực tâm, thân tâm các Ngài quyết định thẳng đến chính đạo bình đẳng, vô thượng bậc nhất, Tâm không rời lìa Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Phát nguyện làm theo những lời dạy của chư Phật, thường dùng sáu độ, độ các chúng sinh. Luôn dùng bốn pháp Nhiếp nhiếp, hóa hàm thức. Là ngôi tôn quý, là bậc Đạo sư, là chỗ dựa nương, là Thầy tế độ. Xem chúng sinh an ổn đến Phật đạo Bồ-đề. Cho nên gọi Tăng là bạn lành thiện pháp, vì các Ngài thường dùng phương tiện làm lợi ích thế gian, các Ngài là ruộng phước tốt đẹp, là bậc đáng được cúng dường.

TAM BẢO TRỤ TRÌ HOÀN TOÀN DO GIỚI PHÁP

Bộ Tư Trì Ký chép: Tam bảo có bốn nghĩa:

1- Lý Tam bảo.

2- Lý thể Tam bảo.

Hai loại này là nói ngay nơi lý.

3- Hóa tướng Tam bảo, loại thừa thứ ba này là y cứ vào thời Đức Phật còn tại thế.

4- Trụ trì Tam bảo: loại thừa thứ tư này trùm khắp cả ba thời.

Công năng từ năng lực của giới, vận chuyển không dứt, cho nên cũng ví như chiếc thuyền. Vì sao lại ví như chiếc thuyền? Vì Phật bảo và Pháp bảo đều nhờ Tăng bảo hoằng hóa, ngôi Tăng bảo được tồn tại. Nếu không có giới luật thì không thể đứng vững được. Như trong bộ Tiêu Tông chép: Thuận theo giới luật thì ngôi Tam bảo được lâu dài, nếu trái với giới luật thì chánh pháp sẽ bị diệt mất. Lại như Kinh Hoa Nghiêm chép: Nhận giữ đầy đủ oai nghi giáo pháp, khiến cho ngôi Tam bảo không bị dứt mất.

NÓI VỀ CÔNG ĐỨC CAO RỘNG CỦA TAM BẢO QUY Y SẼ ĐƯỢC LỢI ÍCH LỚN

Trong Quy Kính Nghi chép: Do ngôi Tam bảo này thường trụ thế gian, không bị thế pháp khinh dễ, nên gọi là Bảo. Ví như vật châu báu

ở đời, luôn được người đời quý trọng. Nay ngôi Tam bảo này là chỗ về nương của chúng sinh, của Thánh chúng Ba thừa, nên gọi là chánh quy. Nếu lòng tin không chuyên nhất, xen lẫn tà thần, thì dù có thọ quy giới cũng không đắc được Thánh Pháp. Cho nên kệ kinh chép: Người quy y Phật đáng được gọi là Thanh Tín Sĩ, trọn đời không được lầm lạc quy theo các thiên thần khác. Sao nói lời như thế? Vì Ngôi Tam bảo chân thật tánh và tướng thường trụ thế gian, xứng đáng làm chỗ nương tựa cho muôn loài, ngoài ra cả vị thiên đế thân tâm vẫn bị các khổ não, pháp hữu vi hữu lậu chi phối, họ không có đủ năng lực giải thoát, tự cứu mình còn không rảnh thì đâu cứu được người khác. Chỉ có ngôi Tam bảo xuất thế gian mới có đủ năng lực cứu vớt mọi loài. Nói quy y là sao? Ví như nương vào sức mạnh của vua nên không bị kẻ khác làm hại. Nay về nương Tam bảo là địa vị oai thần phước đức cao tột, không bờ bến, nên khiến cho rồng thần khỏi được nạn chim cánh vàng ăn thịt, kẻ tín sĩ được khỏi nạn quỷ Dạ-xoa ăn thịt. Năm bậc đều thọ tam quy, đều về nương ngôi báu này. Có nơi gọi là đồng tướng Tam bảo, là vì lý thì chúng chung cho cả ba đời còn nghĩa thì suốt hết mười phương. Thường trụ Tam bảo chính là địa vị cao tột nhất, kệ chép: Nếu có người được nghe hai chữ Thường Trụ, thì người này đời đời không rơi vào đường ác, vì sao? Vì họ đã hiểu được bản tính của Phật pháp là Thường trụ. Một khi nghe hiểu xông ướp vào tâm thức thì hạt giống nghiệp đã thành, lòng tin trong sạch không mất. Huống chi lập nguyện quy y kính thờ làm bậc khuôn mẫu thì chắc chắn sẽ chiêu cảm nhiều kiếp được. Báo thân thanh tịnh tốt đẹp cao quý, nghĩa lý không mất. Như kệ chép: Nếu có người thọ Ba quy y, qua đến hội đầu của Đức Di-lặc sẽ được giải thoát sinh tử. Pháp quy y này là bến cầu để ra khỏi biển khổ, là thêm bực thẳng vào Phật pháp.

TRỤ TRÌ TAM BẢO

Trụ trì Tam bảo nghĩa là người có khả năng mở mang đạo pháp, muôn đời lưu thông lòng Từ, đạo nhờ người mở rộng, ba pháp do đây mà khai vị. Khiến cho đời đời hưng thịnh, chốn chốn truyền rộng. Nếu chẳng nhờ Tăng-già mở bày thì Phật pháp dần dần bị chìm mất. Còn nhà Hán Vũ Phật pháp rất hưng thịnh nhưng khi mới nghe được danh hiệu Phật thì đã dứt tăng truyền, vừa mở ra đầu mối thì đã bật. Đến đời Hán Minh Đế vua Hiển Tông khai pháp xa rộng đến vua nước Thân-độc, cho đến có Ca-diếp Ma-đăng và Trúc Pháp Lan mang kinh tượng đến Lạc dương truyền bá Thánh giáo, mở rộng chí của muôn vật mà

trọng nên công việc trong thiên hạ, khiến cho mọi người phát tâm chánh Tín và nương ngôi Tam bảo. Thật là nhờ vào công nhọc của Tăng-già mở bày giảng nói, giúp nên năng lực hiểu biết nên gọi là ngôi Tăng bảo.

Giảng nói danh cú, đều nêu bày chân lý làm trước. Nếu chân lý không có văn ngôn thì không do đâu mà ngộ được, cho nên được gọi là Kinh giáo. Nhân duyên kể nói, người nghe gọi là Pháp bảo.

Chân lý ấy sâu xa nhiệm mầu, nếu không phải bậc Đại Thánh thì không ai hiểu được. Bậc Thánh tuy đã nhập diệt nhưng hình tượng Ngài vẫn còn nên gọi là Phật bảo.

Chỉ vì chúng sinh phước mỏng nghiệp dày nên không sinh nhằm Phật ra đời nhưng còn chút gốc lành nên vẫn được gặp chánh pháp để lại ở cõi trời. Ngôi Tam bảo này thể là hữu vi, là chỗ nương giữ của Lý Bảo, nếu người kính trọng vâng theo thì cũng được theo nhau mà ra khỏi ba cõi. Ví như vua ở đời sai sứ đi tuần du khắp mọi nơi, vì chẳng lấy hình tượng để tìm cầu nên được tôn kính như nhau. Kinh chép: Ví như vàng ngọc là vật quý báu nhất ở đời, nhưng gặp trường hợp không có bạc thì thau cũng được gọi là vô giá, cho nên ngôi Tam bảo hữu vi cũng được tôn kính bằng với ngôi Tam bảo vô vi. Người đời nay không có tâm cung kính, lại không có tâm tôn trọng thì sẽ gửi tâm nơi nào? Và dựa vào chỗ nào? Cho nên phải tôn kính Phật bảo bằng hình tượng để tỏ lòng đối với chân lý, diu dắt theo duyên, bày phương giáo hóa, nghĩa lý cao tột là ở đây. Kinh chép: Tạo tượng Phật nhỏ như hạt lúa mì, cũng được phước báo vô lượng. Vì đó là hình tượng tiêu biểu cho Pháp thân.

Luận chép: vàng, gỗ, đất, đá, thể của nó tuy là vật phi tính nhưng đã nặn lên hình tượng, thì người sinh lòng tôn kính hay hủy hoại sẽ tự nhiên cảm lấy tội lỗi hay phước đức. Bởi tượng Phật là vật tiêu biểu cho pháp thân, nên khiến được công dụng vô cùng như thế. Vì thế người có tâm thành cung kính đối trước linh tượng khẩn cầu cầu đâu chẳng tuôn rơi giọt lệ, bất giác sinh tâm tôn kính. Chỉ vì chân thân đã nhập diệt, giờ chỉ còn nhìn thấy dấu vết để lại mà thôi. Cũng ví như ta đến trước ngôi miếu uy nghiêm, tự nhiên khởi tâm thương kính, dãi mắt chiêm ngưỡng đến cảm xúc, tưởng như các Ngài vẫn còn tại thế chẳng khác. Nay ta cũng thế, Đức Thế Tôn nay đã viên tịch, chỉ còn lưu lại hình tượng ở đời, diu dắt chúng ta bằng cờ phướn, cho nên phải cúi mình co chân, mà hành lễ cung kính như đối trước chân tướng, được Phật nói pháp cho ta nghe. Nay không còn nghe thấy Phật nói vì không tin thì làm sao mà biết được? Chỉ cần dùng tâm không phân biệt mà ba cõi còn hiện

Thánh, sá gì hình tượng trong ngôi điện báu an nhiên bất động ư?

Đại Luận chép: chư Phật thường phát ra ánh sáng nói pháp, chỉ vì chúng sinh tội chướng sâu nặng, nên dù có đối diện cũng không thấy được. Trước một tượng đã như vậy thì đối trước các tượng, lệ theo đây cũng thế. Cây đá, núi rừng, tùy theo hình tướng mà tạc nên Phật tượng, dẫn đường cho tâm ta, không gì vượt hơn tượng Phật.

HÓA TƯỚNG TAM BẢO

Hóa tướng Tam bảo nghĩa là Đức Thích-ca Như Lai là Phật bảo, Chân lý Tứ Đế khổ Tập, Diệt, Đạo là Pháp bảo. Năm vị giác ngộ đầu tiên, đã diệt hết nguồn khổ là Tăng bảo. Hóa Tướng Tam bảo này, có nơi gọi là Biệt Tướng Tam bảo. Vì thế là vô thường nên còn bị bốn tướng đối đời. Ngôi Tam bảo này đã diệt độ qua một ngàn năm, chỉ có thể vói tướng xa, để thêm sự cung kính. Vì trong kiếp hiện, ba Đức Phật đã qua, nếu không có Đức Phật Thích-ca thứ tư, thì chúng sinh biết nương tựa vào đâu, họ sẽ chìm mãi trong biển khổ, vì không có đường giải thoát. Cho nên đấng Năng Nhân thương xót, đúng thời tiết hiện ra đời, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp tu luyện, muôn hạnh tròn đầy. Trừ hết vết nhỏ nên pháp tánh được lặng trong, đủ chút duyên lành nên báo, hóa, càng thêm mầu nhiệm. Sau đó, Ngài lên cung trời Đâu-suất và giáng thần xuống cung vua. Ba mươi tuổi ngôi dưới cội Bồ-đề thành quả Phật, bốn mươi chín năm trụ thế, giáo hóa chúng sinh nói pháp hơn ba trăm năm mươi hội, giảng nói tám mươi bốn ngàn diệu môn. Vua, tôi ngoại hộ khắp chín châu bốn bể. Sư Tăng nội truyền, miền thiên thượng nhân gian. Lợi ích rộng lớn, truyền pháp khó nghĩ cho nên có bài kệ khen ngợi rằng:

*Ví dầu đầu đội nhiều kiếp bụi
Thân làm giường ngồi khắp tam thiên
Nếu không truyền Pháp độ người mê
Rốt ráo ân sâu nào báo được.*

- Truyền pháp có năm cách:

- 1- Thọ trì.
- 2- Xem đọc
- 3- Thuộc lòng.
- 4- Hiểu nói.
- 5- Viết chép.

Ngoại hộ, nội hộ truyền bá thì Phật, Pháp, Tăng bảo không bị đứt mất.

VĂN KHEN NGỌI TAM BẢO CỦA HOÀNG ĐẾ NHÂN TÔNG

- Khen Phật:

*Trên trời, nhân gian, Kim Tiên Thế Tôn
Một tâm mười hiệu, bốn trí ba thân
Độ thoát năm ấm, vượt ra sáu trần
Chúng sinh quy kính, tôn là Năng Nhân*

- Khen Pháp:

*Muôn pháp duy tâm, tâm phải chí tĩnh
Do nhất tâm ấy sinh ra muôn pháp Bồ
giác là vọng, ngộ chân là Thánh Cúi
lạy pháp môn rõ ràng Phật tánh*

- Khen Tăng:

*Sáu độ không nhác, bốn ân chẳng thường
Làm mất cho người, bấn cầu giúp Phật
Thể nhuần như mưa, tâm xông các hương
Đạo khắp mọi nơi, phương này cõi khác.*

VĂN HỒI HƯỚNG XEM KINH CỦA THIÊN SƯ ĐẠI TUỆ

Đệ tử vì nghiệp lực ma chướng nên thân thức và tâm trí bị lằm rối. Căn trí chậm lụt, tự nhiên dấy lên ý nghĩ tạp loạn, nên lúc xem bỏ sót, lẫn lộn, lặp lại lời kinh, vì thế đọc vào câu văn, thì quẩn ý, chữ lằm, câu lỡ, chánh âm lại biến trong thành đục, chấp chặt theo tà kiến mà giải hiểu lời văn. Hoặc bị ngoại cảnh làm ý chí đứt quãng nên tâm chẳng chuyên nhiếp ở văn kinh. Ngồi xuống đứng lên hỏi đáp làm đứt đoạn bỏ vượt. Tụng nhiều thì biếng nhác, do việc mà nóng giận. Nóng giận khiết mà để bụi trần làm bẩn, chốn tôn kính lại sinh nhàm chán. Thân miệng mặc dù chẳng sạch, áo mũ cách lạy chẳng cung. Dâng cúng chẳng đúng pháp, ở chỗ sai nơi chốn, kinh pháp thì mở gấp, vò rối làm sút rách tổn hại, các thứ chẳng chuyên nhất, chẳng thành kính. Ngày nay đệ tử hổ thẹn, sợ hãi lắm!

Kính nguyện chư Phật, Bồ-tát, tất cả Thánh chúng trong Pháp giới, hư không giới và các vị Hộ pháp thiện thần, tám bộ trời rồng v.v... dũ lòng từ bi thương xót cho đệ tử sám trừ tội lỗi, khiến công đức học kinh được tròn đầy tất cả.

Đệ tử hồi hướng tâm nguyện, bởi vì sợ người dịch thuật, người nhuận văn còn có chỗ lằm lằm, người chú sớ, người giải thích còn có chỗ sai. Vì thế mà việc truyền thọ bị lệch lạc, phần âm thích bị lạc. Lúc so sánh đối chiếu bị thay đổi, sai sót, khi viết chép, in khắc chẳng đúng

pháp. Từ Thầy, hoặc từ người đều xin sám hối, nương nhờ năng lực thần thông của Phật, làm cho tội lỗi tiêu trừ. Đệ tử nguyện luôn vận chuyển bánh xe chánh pháp đến khắp mọi nơi, cứu giúp loài hàm thức.

PHÁP NGŨ CỦA HÒA THƯỢNG LẠI AM XU

Đức Phật răn La-hầu-la bằng bài kệ rằng: Mười phương thế giới chúng sinh, mỗi niệm đã chứng quả Thiện Thệ. Người đã là trưởng phu thì ta cũng thế, đâu được xem thường mình mà lui sụt ư? Sáu phàm bốn Thánh cùng một tánh này, người đã như thế, ta sao chẳng vậy? Phải mau trong ngoài giúp đỡ, xông ướp một đời làm cho xong. Nếu cứ nhàn hạ qua buổi, thì lỗi ấy sẽ về ai? Người xưa có nói:

*“Thân này chẳng độ ngay đời này
Lại đến đời nào độ thân này”.*

Đại sư Thiên Thai Trí Giả dạy: Sao còn chưa chịu dứt ngôn ngữ, bỏ văn tự. Chẻ hạt bụi nhỏ để lấy ra quyển kinh lớn bằng cội đại thiên. Nói một hạt bụi là nói các vọng niệm của chúng sinh, còn quyển kinh bằng cội đại thiên là nói về Phật tánh trong mỗi chúng sinh, Phật tánh trong mỗi chúng sinh lại bị vọng niệm che lấp. Nếu phá tan vọng niệm thì Phật tánh sẽ hiện tiền. Người già này vì những kẻ cố chấp vào văn tự, ngữ ngôn nên mới thốt ra lời than như thế! Đây chính là ý nghĩa của câu nói: Dùng cái thìa vàng để nạo màng che con mắt, một ngày mắt sáng rồi mới biết được sự đặc lực của nó.

Kinh Lăng-nghiêm chép: Thế nào là tên giặc. Những người mượn y phục của ta buôn bán Như Lai, gây ra các nghiệp chủng, gọi là tên giặc.

Vì thế, nếu chẳng dùng giới để thu nhiếp thân tâm, thì dù kiến giải có bằng với Phật Tổ đi nữa cũng chưa tránh khỏi tội gây ra các thứ nghiệp buôn bán Như Lai, huống gì là những kẻ bình thường ư? Quốc sư Thanh Lương lập mười điều nguyện để sửa mình, thật có như vậy. Vì giới lấy sự răn dè làm ý nghĩa kinh! Lại nói rằng: sửa lòng là trai, ngừa lỗi là giới. Nếu thấy ta bằng sắc tướng, nghe ta bằng âm thanh, người này đi đường tà, không thấy được Như Lai.

BÀI KỆ BỐN CÂU

Bài kệ bốn câu trong Kinh Kim Cương là không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Nếu còn chấp tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả thì người ấy không thể thọ trì bốn câu kệ này. Nếu không chấp tướng ngã, tướng nhân, tướng

chúng sinh, tướng thọ giả thì mới thọ trì được bốn câu kệ này. Bốn câu kệ này dù là người ở chỗ núi non, đồng ruộng ai ai cũng đều có khả năng thọ trì. Nhưng hiểu được nghĩa sâu kín của bài kệ thì trong muôn người chỉ có một. Vì sao? Chỉ vì người đọc kinh này còn bị các tiền trần che lấp, nên không thể tự biết rõ thể tánh viên dung của mình.

DẠY THẦY TỖ-KHEO HÃY XÉT ĐỨC HẠNH MÌNH MÀ THỌ THỰC

Xét kỹ đức hạnh mình hoàn toàn hay thiếu sót mà thọ cúng, nghĩa là nếu đức hạnh mình hoàn toàn thì mới nên thọ cúng. Nếu đức hạnh thiếu sót thì không nên thọ cúng. Các Tỳ-kheo đời nay, có người đã ba bốn mươi tuổi, hoặc năm mươi đến sáu mươi tuổi không hề có một ngày nào không thọ cúng. Các vị ấy đức hạnh đã hoàn toàn ư? Hay đức hạnh còn thiếu sót? Vì thế có câu nói rằng:

*Học đạo chẳng thông lý nhiệm mầu
Đời sau phải trả nợ vay sâu
Trong vườn cây nấm không còn mọc
Trường giả tuổi đà tám mươi hơn.*

Vì tuổi tác đã cao nên nấm trong vườn không còn mọc nữa. Trong kinh Đức Phật dạy rõ, người xuất gia chẳng thể không tin. Nếu một niệm biết xoay trở lại mình thì ngày ăn muôn lượng vàng cũng có thể tiêu được.

DẠY THẦY TỖ-KHEO HÃY CẨN THẬN CHỖ BUÔNG LUNG

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Mắt lấy sắc làm món ăn, tai lấy âm thanh làm món ăn, mũi lấy hương thơm làm món ăn, lưỡi lấy mùi vị làm món ăn, thân lấy sự xúc chạm làm món ăn, ý lấy sự phân biệt các thức ăn làm món ăn, Niết-bàn lấy tâm không buông lung làm món ăn. Như trong chốn rừng lâm ngày nay, một tháng ba tuần có sáu ngày (03, 08, 13, 18, 23, 28) đều thỉnh chuông nhóm chúng niệm tụng, vị Duy Na bạch rằng, mọi người hãy siêng năng tinh tấn như việc cứu lửa cháy đầu, chỉ nhớ nghĩ đến sự vô thường mau chóng cẩn thận chỗ buông lung. Lời cảnh sách này và lời văn trong kinh Tăng Nhất A-hàm có chỗ hơi giống nhau, cho là thường lệ. Ví như gió thổi qua tai nên coi thường không chịu xét lấy, vì thế ý của Phật Tổ trở thành luống lập bày.

BỒ-TÁT CÓ BA VIỆC KHÔNG NHÀM CHÁN

Luận Trí Độ chép: Bồ-tát có ba việc không nhàm chán:

- 1- Cúng dường chư Phật không nhằm chán.
- 2- Nghe pháp không nhằm chán.
- 3- Cung cấp vật dụng cho chúng Tăng không nhằm chán.

Người học đạo đời nay tuy chưa đến được địa vị Bồ-tát nhưng có người bác bỏ lý nhân quả, lại không nghiên cứu lời dạy nhiệm mầu của Tiên Thánh. Họ đâu biết ngay nơi lý là sự, ngay nơi sự là lý. Lý sự viên dung, pháp ấy là như thế. Cho nên Tổ Vĩnh Minh nói: Con ếch lại muốn ganh ghét sự rộng lớn của biển cả, con đom đóm lại muốn lướt ánh sáng của mặt trời.

GIỚI - ĐỊNH - TUỆ

Ba pháp học Giới - Định - Tuệ là cái sẵn có trong tự tánh của chúng sinh, chớ không phải nhờ tu chứng mà được, cũng chẳng phải chỉ có chư Phật, Bồ-tát mới đầy đủ Giới - Định - Tuệ này. Tự tánh không thiện, ác, không trì cũng không phạm, đó là tự tánh giới, tự tánh không tính loạn không lấy cũng không bỏ, đó là tự tánh định. Tự tánh vốn vô tri mà vô sở bất tri, đó là tự tánh tuệ. Chư Phật, Bồ-tát biết có nên được thọ dụng, tất cả phàm phu không biết có cho nên không được thọ dụng. Biết có và không biết có dường như hơi khác, nhưng Giới - Định - Tuệ không hề khác nhau chút nào.

LỜI VĂN PHẢI XÉT PHÁP CÚNG DƯỜNG BỐN THỨ CẦN DÙNG CỦA ĐÀN-VIỆT TỪ KHỔ DUYÊN SINH RA

Do Luật sư Đạo Tuyên ở núi Chung nam vì đệ tử là Từ Nhẫn mà soạn

Tổn hại sinh mạng gọi là nghiệp khổ, gân xương khô cạn gọi là duyên khổ, kinh chép: ăn nghĩa là từ chỗ cày, bừa, cấy, nhổ cỏ, gặt, đập, giê, cất chứa, chuyên chở xay, vo gút, nhóm lửa, xới nấu, sắp bày cúng dâng. Lại nữa, trồng rau đắp bờ, tưới bón ruộng vườn, pha chế tương giấm. Suy tính một bát cơm này có ra là phải đổ một bát mồ hôi, mà mồ hôi từ da thịt tức là máu trong thân. Công sức của người nông phu làm ra một bát cơm nặng bằng một bát máu. Huống chi suốt đời thọ hưởng! Hễ nhận vài bát cơm thì phải suy nghĩ bắt đầu từ chỗ cày, cấy, gieo trồng cho đến lúc đưa cơm vào miệng, phải giết hại biết bao các loài côn trùng nhỏ. Cho nên Đức Phật dạy ngày ăn một bữa là để giữ gìn tánh mạng chúng tạm qua một đời.

Về y phục thì phải nuôi tằm giết kén, rút sợi dệt tơ, nhuộm giặt cắt may, khâu viền sửa vá, không thể lường hết sự cực nhọc. Tính kể các áo quần mặc trên dưới, hễ giết mấy con tằm thì hao bất nhiều khó

nhọc, tầm kén khi bỏ vào nước sôi phải chịu biết bao đau khổ. Cho nên Phật dạy mặc y phần tảo để tạm che đậy thân xác xấu xí này, chỉ mong có ngày đắc đạo mà thôi.

Về phòng nhà, từ khi bắt đầu xây tường thì đào hầm khoét đất, giết chết biết bao loài trùng dưới đất, khi chặt đốn cây cối làm tổn thương đến loài côn trùng trong rừng cây, khi làm gạch ngói thì giết hại loài côn trùng trong bùn nước. Đến chừng cho lửa vào lò nung lại phải giết hại các côn trùng trong cây cỏ. Người làm phải ra sức nhọc nhằn, còn thí chủ thì hao tổn tiền của, các duyên ăn uống phí tổn rất lớn mới xây dựng nên phòng ốc. Cho nên người tu thường nương ở nơi gò mả, cội cây, trong lùm bụi để tự an thân, tiến đạo. Nghĩ ăn là khổ nên lường phần của thân mà ăn. Nghĩ y phục mặc đây là từ việc giết hại sinh mạng mà có nên thích mặc y phần tảo. Nghĩ phòng nhà, đồ nằm là từ các duyên khổ mà sinh nên chỉ ưa hạnh đầu-đà, ba tháng một lần dời chỗ. Nghĩ bốn thứ cần dùng là khó tiêu nên ít muốn biết đủ. Kinh chép: Khi nhận thức ăn của đàn-việt phải tưởng như trong đời đói khát phải ăn thịt con mình. Nhận y phục của thí chủ phải nghĩ như sắt nóng quăn thân. Vào ở trong phòng nhà phải nghĩ như vào trong chảo sắt, khi nhận giường ghế phải nghĩ như ngồi trên giường sắt nóng. Thà đập nát thân này ra như bụi nhỏ, chứ không dám dùng thân phá giới mà nhận người cung cấp, khổ báo trong ba đường, đều do ưa thích y phục, ham hố ăn uống, chọn lựa phòng nhà đẹp đẽ mà chiêu cảm. Nếu vì nhân duyên phá giới thì phải đền trả cho người thí chủ. Hoặc làm tội tứ bị người đánh đập, trói buộc, hoặc đọa làm thân súc sinh, mang lông đội sừng, lúc sống phải đem gân xương ra đền trả, khi chết phải dùng da thịt để bồi thường, chớ nặng kiệt sức, dù có gắng gượng đứng dậy cũng bị ngã nhào. Luống thọ của tín thí, cái vui chẳng đáng nói, đến lúc đền trả cho thí chủ thì cái khổ lại hóa hơn muôn lần. Vì thế ta dạy các thầy phải biết sinh tâm hổ thẹn, dè dặt giữ gìn đến đời sau, chớ phá giới mà nhận của tín thí. Ấy gọi là giữ sạch tâm mình.

DẠY PHẢI QUÁN XÉT PHÁP SO LƯỜNG TÂM HẠNH TRONG THỜI MẠT PHÁP

Phàm phu hiểu được nghĩa lý đều cho nghe và học. Làm người hiểu biết giáo pháp mà thân thì phạm bốn tội trọng, chứa tám thứ tài sản bất tịnh, ăn uống cùng mâm cỗ với thế tục, không biết sinh tâm hổ thẹn. Biết mà cố phạm, không sợ quả báo ở đời sau. Cho nên những người (xuất gia) phải so lường tâm mình, trước phải giữ gìn giới cấm,

sau mới nghe kinh giáo. Các người phải làm theo năm điều răn này như thế mới được gọi là Tịnh tâm. Các Đại đức thuở xưa giảng kinh Hoa Nghiêm, chỉ số giải có một quyển, kể đến các Pháp sư đời sau soạn số đến ba quyển. Người giảng nói đời nay, chỉ một phẩm Thập Địa thôi mà chú số ra đến mười quyển. Mỗi người đều ưa thích phô bày công năng của mình, đua tỏ lời hay, văn chương chữ nghĩa xa rộng, nhưng xét cho kỹ thì thật không có chỗ để gởi lòng. Nhưng, đương thể của văn tự tức là nghĩa lý rồi, nào phải dùng đến lời nói của người mới giải thích được ư! Kẻ ngu đời nay chỉ giành nhau danh tiếng bên ngoài, chứ họ không chịu tìm lại giáo pháp nơi tâm mình. Phải biết rằng chánh pháp còn chẳng nên vương mắc, huống chi là vương mắc văn tự. Hãy mau lia bỏ văn tự, ngôn ngữ mới được. Cho nên kinh Đại Tập chép: Văn kinh thì chỉ có một lời mà người giảng bàn nói khác đi, họ đều cậy vào kiến thức của mình để nổi khiến chánh pháp bị rối rắm. Vì làm cho thiên thần nổi giận nên ba tai do đó dấy lên. Bởi nhân duyên đó nên Phật pháp bị thừa thớt. Ví như một học nước mà pha chỉ có một thăng sữa, xem thì giống như màu sữa mà uống thì chẳng có mùi vị gì. Các thầy hãy suy nghĩ cho chín chắn khi phải bàn nói, tánh người sao lương được tánh Phật. Cảnh giới của trí Phật, há con người có thể lường được sao, xét kỹ như thế, mới gọi là giữ sạch tâm mình.

RĂN CÁC QUÁN TĂNG NI PHÁ GIỚI KHÔNG TU PHÁP XUẤT THỂ

Nói Tăng Ni phá giới nghĩa là nói người xuất gia lại chứa nuôi tôi tớ, trâu lừa, xe cộ, ruộng nhà, trồng trọt, vườn rừng, hoa trái, vàng bạc, thóc lúa, bình phong, màn nhung, gối đẹp, chiếu bông, rương tủ chậu bình, đồ đồng, mâm bát, ba y sang trọng, giường cần, nệm ngôi, phòng xá, nhà riêng, kho bếp, cối xay, mỡ dầu thuốc rượu, nhiều loại tương giấm, vật lạ mùi ngon, gần gũi với giới vương công giàu sang, quen biết nhiều người, giao du với kẻ giàu có, cao quý, coi thường người quen cũ, biếu xén quà cáp, thăm viếng tới lui, tham dự việc nha phủ, thân đứng đầu trong Tăng chúng, thu nhận đệ tử đông nhiều, mà giảng nói thì vắn hỏi nhau, ưa thích âm nhạc, thường ở riêng một chùa mà bàn lường việc chúng Tăng, thay nhau đui phạt, hỏi đoán những việc nắng mưa, mùa màng được mất, giặc trộm, chiến tranh, nước lửa, thú dữ. Qua lại các tiệm rượu, chợ quán, giết mổ, gần gũi kẻ săn bắn, gần gũi các phụ nữ, đàn hát thơ phú, cờ vây bài bạc, đọc sách thế gian, cười nói to tiếng, hiềm giận ganh đua, uống rượu ăn thịt, quần là áo lụa, năm màu đẹp

sáng, siêng cạo râu tóc, để móng tay nhọn, chứa tám thứ tài sản bất tịnh, của báu dồi dào. Các việc trên đây tham cầu, ưa đắm chất chứa không lìa bỏ, thật gọi là hành động phá giới. Khế kinh chép: các Tỳ-kheo này gọi là cư sĩ trọc, gọi là tên giặc trộm ca-sa, gọi là bọn thợ săn trọc, gọi là người của chốn ba đường, gọi là kẻ không biết hổ thẹn, gọi là kẻ nhất-xiển-đề, gọi là kẻ hủy báng Tam bảo, gọi là kẻ làm hại tất cả con mắt của đàn-việt, gọi là hột giống sinh tử, gọi là kẻ làm chướng Thánh Đạo. Nếu lìa bỏ mười pháp ác này thì gọi là giữ sạch thân mình.

RĂN VỀ SÁU NẠN, TỰ MỪNG TU ĐẠO.

1/ Trong muôn loài, được thân người rất khó. Như kinh Đề-vị chép: Đời nay được thân người khó như rùa mà gặp bóng cây nổi.

2/ Tuy được thân người nhưng sinh ở giữa nước rất khó, cõi này là ở giữa chỗ biên địa, nhưng có đầy đủ kinh luật Đại Thừa chánh pháp.

3/ Tuy có chánh pháp nhưng sinh tâm tin ưa rất khó. Nay theo sức mình mà tin nhận không dám nghi báng.

4/ Thân người khó đầy đủ: nay làm thân nam, các căn không kém thiếu, tướng mạo tốt đẹp.

5/ Tuy đã có thân hình người nam, sáu căn không thiếu, nhưng bị năm dục ràng buộc, đắm nhiễm nên xuất gia rất khó, nay được cắt ái xuất gia học đạo, mặc áo Phật, thọ tịnh giới của Phật.

6/ Tuy đã thọ giới cấm mà làm theo lời răn rất khó, các thầy nên đối với giới luật, tôn trọng ưa mến, biết sinh tâm hổ thẹn, dè dặt giữ gìn.

Đối với sáu điều này, nếu không quán sát thì sẽ buông lung, sẽ chướng sâu Thánh Đạo, các người đã vượt khỏi sáu nạn, thường nên sinh tâm vui mừng, vì việc khó được nay đã được, đã được rồi thì giữ không cho mất, nghĩ lường như thế gọi là Tịnh tâm.

VĂN CẦU NGUYỆN BỒ-TÁT QUÁN THẾ ÂM CỦA LUẬN SƯ GIỚI HIỀN

Khi tánh nghe vắng lặng mâu nhiệm không thể so sánh, từ suy nghĩ, tu tập liền nhập vào tam-ma-địa. Năng lực từ vô duyên cảm đến mọi căn cơ, vầng trăng sáng soi bóng trong xuống ngàn lạch nước. Tỳ-kheo cúi đầu đem thân mạng về nương tựa với đấng cha lành Bồ-tát Đại Từ Bi Quán Thế Âm. Xin mong Ngài dùng mắt đạo tha tâm, thấy nghe không ngăn ngại động lòng từ thương xót thăm che chở.

Điều 1: Nguyện cho đệ tử sớm dứt hết các hữu lậu, kiết sử, mau

chứng quả Vô sinh, ba nghiệp tròn sáng, sáu căn trong sạch.

Điều 2: Nguyên cho đệ tử nghe một hiểu ngàn, được năng lực đại tổng trì, có đủ tài hùng biện, được bốn vô ngại giải, những điều Phật dạy đều xông ướp trong lòng, điều gì nghe qua tai không bao giờ quên mất, công đức trí tuệ, trau dồi nơi thân, căn căn trần trần cùng khắp pháp giới.

Điều 3: Nguyên cho đệ tử trên cầu quả Phật dưới độ chúng sinh, hạnh sạch sớm tròn, ba vàng luống vắng. Cho đến khi thành Phật, trong thời gian đó xả thân, thọ thân thường làm thân người nam, theo Phật xuất gia, phát tâm Bồ-đề lợi mình lợi người, hạnh nguyện không cùng tột. Sau nguyện cho con lúc sắp qua đời, dứt hết tất cả mọi chướng ngại, tận mắt thấy Phật A-di-đà liền được sinh về nước An Lạc. Khi đã sinh về nước Phật rồi hiện tiền đầy đủ các đại nguyên, tròn đầy công hạnh của Bồ-tát, cùng các chúng sinh đều thành Phật đạo.

VĂN PHÁT NGUYỆNCỦA THIÊN SƯ VĨNH GIA CHÂN GIÁC

Cúi đầu lạy đấng viên mãn Biến Tri Giác, bậc đã vắng lặng bình đẳng bản chân nguyên. Tướng tốt uy nghiêm đặc biệt chẳng có không, tuệ giác sáng ngời chiếu khắp các cõi nhiều như bụi. Cúi đầu lạy pháp trạm nhiên chân Diệu Giác. Mười hai bộ Tu-đa-la nghĩa sâu xa, không văn, không chữ, cũng không lời nói bày. Một âm phạm theo từng loài đều nhận hiểu. Cúi đầu lạy các Hiền Thánh, tâm thanh tịnh Tăng-già hòa hiệp ứng chân khắp mười phương. Giữ gìn giới cấm không bao giờ trái phạm. Chống tích ôm bất lợi ích các hàm thức, Noãn sinh thai sinh cùng thấp sinh hóa sinh. Loài có sắc, vô sắc, có tướng phi tướng. Chẳng có tướng cùng với loại không tướng. Nhiều chủng loại trong sáu đường ba nẻo luân hồi quanh quẩn không lúc nào tạm dừng. Nay con cúi đầu về nương ngôi Tam bảo, khắp vì chúng sinh phát đạo tâm, chúng sinh chìm đắm trong biển khổ, xin nhờ nguyện lực của chư Phật, Pháp, Tăng, tự biết phương tiện nhổ hết mọi khổ đau, không bỏ nguyện rộng lớn cứu vớt hàm linh, sức tự tại độ chúng vô cùng, hăng sa chúng sinh thành Chánh giác. Nói kệ này rồi con lại cúi đầu quy y trước tất cả chư Phật, Pháp, Tăng, mười phương ba đời nương nhờ sức từ Tam bảo, dốc lòng phát nguyện tu đạo Vô thượng Bồ-đề, hẹn từ đời này đến lúc thành Chánh giác, trong thời gian đó quyết định siêng cầu đạo pháp không dám lui sụt. Trước khi đắc đạo thân thể không bệnh ngang trái, tuổi thọ dài lâu không chết non. Khi tuổi thọ gần hết, không thấy những tướng ác, không có các lo sợ, không sinh tâm điên đảo. Thân không bệnh khổ,

tâm không tán loạn. Chánh tuệ rõ ràng, không trải qua thân trung ấm, không rơi vào địa ngục súc sinh, ngạ quỷ, thủy lục không hành, thiên ma ngoại đạo, quỷ thần ở chốn u minh. Tất cả tạp hình đều không thọ. Mãi mãi được thân người thông minh ngang trái, không sinh vào cõi nước hung ác, không gặp vua chúa bạo tàn, không sinh ở biên địa, không gặp cảnh nghèo khổ, không làm tội tử và thân nữ, kẻ huỳnh môn, người hai căn, răng sún, tóc vàng hoe, đại khờ, tối dốt, lùn xấu, tật nguyền, đui điếc câm ngọng, tất cả những tướng đáng chê, rớt ráo không thọ. Nguyên được sinh ở giữa nước, chánh tín xuất gia, thường được thân nam, sáu căn đầy đủ, xinh đẹp, thơm sạch, không hề có các mùi hôi dơ. Ý chí hòa nhã, thân tâm vắng lặng, không tham, sân, si, dứt hẳn ba độc, không gây ra các điều dữ, thường nghĩ mọi điều lành. Nguyên không làm bậc vua chúa, thứ quan, không làm kẻ sứ mạng, không mong giàu sang lộng lẫy, chỉ nguyện an nghèo vui đạo để hóa độ thế gian, ít muốn, biết đủ, không tích lũy chứa góp, áo cơm đủ để nuôi thân mà thôi, không làm việc trộm cắp, không giết hại chúng sinh, không ăn thịt cá, thương mến loài hàm thức, xem như thân mình không khác. Tánh hạnh mềm mỏng, không tìm lỗi xấu của người, không khoe điều tốt của mình, không đua tranh với người. Xem kẻ oán người thân như nhau, không có ý tưởng phân biệt, không sinh tâm ưa ghét, vật của người không mong cầu, vật của mình không bõn sẻn, không ưa xâm lấn, hằng giữ tâm ngay thẳng tâm không vụt bạo, thường ưa nhún nhường. Miệng không nói lời độc ác, thân không làm việc ác. Tâm không đua nịnh, ba nghiệp sạch trong. Chỗ ở luôn an ổn, không có các chướng nạn, giặc cướp, trộm cắp, phép vua tàn bạo, ngục tù trời buộc, gông gậy xiềng xích, gươm thương, tên giáo, thú dữ trùng độc, sa núi đắm nước, lửa cháy gió trốt, sấm sét kinh hãi, cây ngã đá rơi, nhà đòn sập mục, đánh đập sợ hãi, đuổi rượt vây nhốt, bắt bớ kềm kẹp, đổ oan chê dèm, chú càn bắt kéo. Tất cả những việc tai nạn đều không thọ lãnh, tai bay quỷ dữ, trời làm độc hại, tật dịch tà ma vọng lượng. Hoặc sông hoặc biển, núi non cao vút, thân cây nương ở, các đình miếu linh thiêng hễ nghe được danh hiệu con, thấy được hình tướng con đều phát tâm Bồ-đề, che chở, ủng hộ lẫn nhau, không xâm lấn lẫn nhau, ngày đêm được an ổn không có sự sợ hãi. Bốn đại mạnh khỏe, sáu căn trong sạch, không nhiễm sáu trần, tâm không loạn tưởng, không có hôn mê xao động, không sinh những đoạn kiến, chẳng chấp không hữu. Thường xa lìa các tướng chấp, kính tín theo đường lối của đấng Năng Nhân. Không chấp nệ vào kiến thức của mình, thông hiểu rõ ràng, đời đời tu tập. Chánh tuệ bền vững, không bị

ma chướng nhiếp phục, khi đại mạng sắp hết, an nhiên vui vẻ, xả thân thọ thân không có oan báo đối đầu. Làm bạn lành với tất cả chúng sinh, sinh ra nơi nào cũng được gặp Phật, nghe Pháp.

Đồng chân xuất gia, làm tăng hòa hợp. Áo mặc trên thân không lìa Ca-sa. Vật thực uống ăn không rời bình bát. Đạo tâm bền vững không sinh tâm kiêu mạn. Kính trọng Tam bảo thường tu phạm hạnh, gần gũi Minh sư, thuận theo bậc Thiện tri thức, tin sâu chánh pháp. Siêng tu pháp sáu độ, đọc tụng kinh điển Đại thừa, hành đạo lễ bái. Hoa thơm hương tốt, giọng tiếng ca ngâm, đèn đuốc đài quán, núi biển rừng suối, chốn hư không nơi đất bằng trong thế gian chỗ có từ hạt bụi nhỏ trở lên, con đều đem cúng dường, nhóm họp các công đức hồi hướng, trợ giúp đạo Bồ-đề. Suy nghĩ kinh liễu nghĩa, chí ưa thích yên tĩnh, tâm thật thà lặng lẽ, không ưa chỗ ồn ào, không thích chỗ đông người. Thường thích ở một mình, tất cả không tìm cầu, chuyên tâm tu Định tuệ. Sáu thân thông đầy đủ, để hóa độ chúng sinh theo thệ nguyện, được tự tại vô ngại, thành tựu muôn hạnh tinh diệu vô cùng. Ngay thẳng tròn sáng chí thành Phật đạo. Nguyện đem gốc lành này, khắp đến các cõi mười phương, trên cùng trời Hữu Đảnh, dưới tốt chốn phong luân, nhân gian thiên thượng, các thân hình trong sáu đường, tất cả loài hàm thức, các công đức con có được đều ban cho chúng sinh chung hưởng, tốt đến kiếp số như cát bụi, không chỉ một chúng sinh mà thôi, thuận theo gốc lành con có, khắp đều được thấm nhuần đầy đủ. Khổ não trong địa ngục, Nam-mô Phật pháp Tăng xưng danh Phật pháp Tăng nguyện đều được giải thoát. Khổ não trong ngạ quỷ, Nam-mô Phật pháp tăng, xưng danh Phật pháp Tăng nguyện đều được giải thoát, khổ não trong súc sinh, Nam-mô Phật pháp Tăng nguyện đều được giải thoát. Trời, người, A-tu-la, Hằng sa các hàm thức, tám khổ ép ngặt nhau, Nam-mô Phật pháp Tăng, nhờ gốc lành của con, khắp khởi các ràng buộc, Nam-mô Tam Thế Phật, nam-mô Tu-đa-la, Bồ-tát thanh văn Tăng, các Thánh chúng nhiều như bụi, xin các ngài không bỏ gốc từ bi, thu nhận các loài chúng sinh, các hàm thức tốt cõi hư không, quy y Phật pháp Tăng, được xa lìa ba đường khổ, mau vượt khỏi ba cõi, đều phát tâm Bồ-đề, ngày đêm tu trí tuệ, đời đời siêng tinh tấn, thường như cứu lửa cháy đầu. Trước khi đắc quả Bồ-đề, thệ nguyện cùng nhau độ thoát. Con hành đạo lễ bái, tụng kinh niệm Phật, tu giới Định tuệ, Nam-mô Phật pháp Tăng, khắp nguyện các chúng sinh thấy đều thành Phật đạo. Con và các hàm thức bền vững cầu đạo Bồ-đề, đánh lễ Phật pháp tăng, nguyện mau thành Chánh giác.

VĂN LẠY KINH HOA NGHIÊM CỦA THIÊN SƯ TOẠI Ở NÚI ĐẠI HỒNG, TÙY CHÂU

Cúi đầu về nương Đức Tỳ-lô giáo chủ Hoa tạng Từ Tôn, giảng kim văn kệ báu, bửu ngọc trực lang hàm. Các trần cùng vào, các cõi viên dung. Mười triệu chín muôn năm ngàn bốn mươi tám chữ. Kinh Nhất thừa Viên giáo Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm. Nếu người muốn biết rõ tất cả Phật ba đời nên quán tánh pháp giới, tất cả chỉ tâm đạo. Thường nguyện cúng dường, thường cung kính bảy chỗ chín hội Phật Bồ-tát. Thường nguyện chứng nhập, thường giảng nói năm châu bốn phần kinh Hoa Nghiêm. Thường nguyện cúng dường không ngồi nghỉ chúng Bồ-tát trong chín mươi cõi nước nhiều như bụi. Thường nguyện ngộ nhập, thường giảng nói Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Lại nguyện: Đệ tử đời đời kiếp kiếp, nơi nơi chốn chốn trong mắt thường thấy kinh điển như thế, trong tai thường nghe kinh điển như thế, trong miệng thường tụng kinh điển như thế, trong tay thường chép kinh điển như thế, trong lòng thường ngộ kinh điển như thế. Nguyện đời đời kiếp kiếp nơi nơi chốn chốn thường được gần gũi tất cả Hiền Thánh trong biển Hoa tạng. Thường được năng lực từ bi của tất cả Hiền Thánh trong biển Hoa tạng thu nhận. Như kinh đã nói nguyện đều chứng minh. Nguyện như Bồ-tát thiện tài, nguyện như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nguyện như Bồ-tát Di-lặc, nguyện như Bồ-tát Phổ Hiền, nguyện như Bồ-tát Quán Thế Âm, nguyện như Phật Tỳ-lô-giá-na, xin đem công đức khen ngợi kinh này, đem công đức phát nguyện này, nguyện cho tất cả chúng sinh trong bốn ân ba cõi tiêu trừ vô lượng tội cấu, tội pháp giới hư không giới từ vô thủy đến nay. Nguyện cho tất cả chúng sinh trong bốn ân ba cõi mở vô lượng oan nghiệt, tội pháp giới hư không giới từ vô thủy đến nay, nguyện cho tất cả chúng sinh trong bốn ân ba cõi nhóm họp vô lượng phước trí tội pháp giới hư không giới từ vô thủy đến nay, cùng dạo chơi trong biển Hoa tạng trang nghiêm, cùng đi vào đại đạo tràng Bồ-đề.

Nam-mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.

BÀI MINH QUÁN TÂM CỦA PHÁP SƯ TRẠCH ANH CHÙA ĐÔNG GIANG

Tâm này, tâm này vốn tự thiên nhiên, sừng sững riêng đứng, lẳng lẳng cao bên. Mẫu nhiệm trong mẫu nhiệm, sâu xa trong sâu xa. Không đến cũng không đi, không dời cũng không đổi, chẳng mê cũng chẳng ngộ. Bạc Thánh lẫn bạc Hiền, nghĩ suy không thể hiện, gương dùng lời nói bày. Bởi thể của tâm vốn sáng, nên sinh ra các duyên, như gương

bao trùm muôn tượng, như hiển dung nạp trăm sông, nếu thu lại thì thân ngậm trong gang tấc, còn duỗi ra thì sáng đầy cõi đại thiên. Biến hóa tự tại, tác dụng vô biên là chúng sinh, là chư Phật, là thật cũng là huyền. Mê thì mênh mang không trở lại, ngộ thì rõ ràng truyền cho nhau. Tâm này linh thiêng, bảo người đừng quên mất, dặn người phải lắng nghe. Nơi người có đủ muôn pháp vốn tự viên thành, muôn pháp có đủ nơi người, Thể ấy rỗng rang, cảnh chẳng thật cảnh, danh là giả danh, xưa người chẳng ngộ nên luống chịu vất vả. Nay người đã tự giác, hãy cố giữ gìn, gặp việc chẳng ngăn trệ, niệm đầy liền tỉnh ra. Hễ sáu trần chẳng dính thì ba độc liền trong. Thôi lệnh canh cổ, đục mất gốc sáng. Nên tự giữ thiền định sạch chữ về nguồn chân.